TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2017/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 7 - 2017
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trọng Sơn
2. Ông Hoàng Công Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2017 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐXX-ST ngày 16 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Mai Thị T – sinh năm 1992

Địa chỉ cư trú: thôn P, xã V, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: anh Hoàng Văn Th – sinh năm 1988

Địa chỉ cư trú: thôn P, xã V, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên toà có mặt nguyên đơn. Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 07/4/2017, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên toà, nguyên đơn chị Mai Thị T trình bày: chị và anh Hoàng Văn Th tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 15/02/2015. Cuộc sống vợ chồng anh chị hòa thuận được một thời gian ngắn thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, không có sự thấu hiểu lẫn nhau; anh Th thường xuyên say xỉn, lại đam mê cờ bạc và hay gây gổ, chửi bới chị nên chị không thể chịu đựng được. Bên cạnh đó, việc chưa có con chung cũng là một phần nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Để tạo điều kiện cho hai bên suy nghĩ thêm nên chị và anh Th đã ly thân từ tháng 9/2016 đến nay nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không có gì cải thiện. Thấy không còn tình cảm gì với anh Th, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên ngày 07/4/2017, chị làm đơn đến Tòa án xin được ly hôn với anh Hoàng Văn Th.

Quá trình chung sống chị và anh Hoàng Văn Th không có con chung, cũng không có tài sản chung hay nợ nần gì chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về phía bị đơn, anh Hoàng Văn Th tại bản tự khai và biên bản hòa giải đã trình bày: anh thống nhất với trình bày của chị Mai Thị T về quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống. Theo anh, trong cuộc sống vợ chồng có một số mâu thuẫn nhỏ không đáng kể, anh có một lần nóng nảy không kiềm chế được nên có tát chị T một cái nhưng sau đó anh đã biết lỗi và đã làm mọi việc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên không đến mức phải ly hôn mà hai bên cần có thời gian hàn gắn để tiếp tục chung sống, xây dựng hạnh phúc gia đình. Anh không nhất trí ly hôn với chị T, nếu chị T vẫn kiên quyết ly hôn thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung và tài sản chung anh cũng nhất trí như trình bày của chị T.

Quá trình giải quyết vụ án, do hai bên đương sự không thống nhất được với nhau về các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa anh Th vắng vặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa lần thứ nhất và triệu tập các đương sự đến xét xử lần thứ hai.

Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về sự vắng mặt của anh Hoàng Văn Th tại phiên toà. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng anh Th vẫn vắng mặt không rõ lý do, vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vụ án vắng mặt anh Th.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng quy định tại cấp có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, lẽ ra vợ chồng phải biết thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ và thông cảm cho nhau, tạo điều kiện cho nhau về mọi mặt trong cuộc sống để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng khi sống chung với nhau thì chỉ được một thời gian ngắn anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp, anh Th có lúc còn không làm chủ được bản thân nên đã có hành vi bạo lực với chị T; đồng thời, việc anh chị chưa có con cũng là một phần nguyên nhân khiến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách và gây nhiều xích mích, mâu thuẫn. Do vậy, chị T đã trình bày nguyện vọng kiên quyết muốn ly hôn vì cảm thấy không thể chung sống với anh Th được nữa. Về phía anh Th, mặc dù có trình bày nguyện vọng được hàn gắn gia đình, không đồng ý ly hôn nhưng anh Th cũng không có hành động gì để níu kéo hạnh phúc gia đình, hòa giải mâu thuẫn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh Th là trầm trọng, không thể hàn gắn, hòa giải được, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Mai Thị T ly hôn với anh Hoàng Văn Th là hoàn toàn phù hợp.

[3]Về con chung và tài sản chung: chị Mai Thị T và anh Hoàng Văn Th đều thống nhất khai nhận vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Mai Thị T phải nộp toàn bộ án phí để sung vào công quỹ nhà nước theo quy định, được khấu trừ vào khoản tạm ứng án phí đã nộp trước đây.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Xét xử vụ án vắng mặt anh Hoàng Văn Th.

2. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị T, cho chị Mai Thị T ly hôn với anh Hoàng Văn Th.

3. Về con chung: Không có nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

4. Về án phí: buộc chị Mai Thị T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002936 ngày 10/4/2017. Chị Mai Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) hoặc trong tghời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người văng mặt).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Diệu